

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/TV/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Doanh nghiệp tư nhân Tiến Vinh

Địa chỉ: Đường Triệu Quang Phục, phường An Tảo, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 02213863196

E-mail:.....

Mã số doanh nghiệp: 0900191780, Đăng ký thay đổi lần 3 ngày 25/11/2011, nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên.

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 04/2019/NNPTNT-0321 ngày cấp: 16/01/2019, Nơi cấp: Chi cục quản lý chất lượng nông, lâm sản và Thủy sản tỉnh Hưng Yên

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Vải Thiều nước đường

2. Thành phần: Vải thiều (>60%), nước, đường kính trắng, muối ăn, axit axetic.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Sản phẩm được đóng lọ thủy tinh đạt quy chuẩn đạt QCVN 12-4:2015/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ làm bằng thủy tinh, gốm, sứ và tráng men tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm. Thể tích 540ml.

- Sản phẩm được đóng trong lon thiếc đạt quy chuẩn QCVN 12-3:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng kim loại. Thể tích: 565ml, 830ml, 3000 ml.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: Doanh nghiệp tư nhân Tiến Vinh

Địa chỉ: Đường Triệu Quang Phục, phường An Tảo, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 02213863196

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (có mẫu nhãn sản phẩm đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Luật An toàn thực phẩm 2010.
- Nghị định số 15/2019/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn thực phẩm 2010.
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19 tháng 12 năm 2007 của Bộ Y tế quy định ô nhiễm tối đa sinh học và hóa học trong thực phẩm.
- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về nhãn hàng hóa.
- Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BYT ngày 15 tháng 06 năm 2015 của Bộ Y tế về hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm.
- QCVN 8-1:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm”.
- QCVN 8-2:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm”.
- QCVN 8-3: 2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- Các văn bản pháp luật hiện hành quy định về an toàn thực phẩm.

Hưng Yên, ngày 21 tháng 01 năm 2019

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



**GIÁM ĐỐC
LÊ VĂN TIẾN**



MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

VẢI THIỀU NƯỚC ĐƯỜNG

Thành phần: Vải thiều (>60%), nước, đường kính trắng, muối ăn, axit axetic.

Ngày sản xuất:

Thời hạn sử dụng sản phẩm: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- Sản phẩm được sử dụng trực tiếp nên dùng ngay sau khi đã được mở.
- Bảo quản sản phẩm nơi khô ráo, thoáng mát.

Tổ chức, cá nhân: Doanh nghiệp tư nhân Tiên Vinh

Địa chỉ: Đường Triệu Quang Phục, phường An Tảo, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 02213863196

Thẻ tích:



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 526-4 /Labo XNATVSTP

Tên mẫu/Name of Sample: Vải thiều nước đường

Mã số/Code: 1218526-4

Số lượng mẫu/Quantity: 01 mẫu

Tình trạng mẫu/Conditional keeping: Mẫu được đóng hộp kín.

Người/Đơn vị gửi mẫu/Custome : Doanh nghiệp tư nhân Tiến Vinh

Địa chỉ/ Add: Đường Triệu Quang Phục, Phường An Tảo, TP Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên.

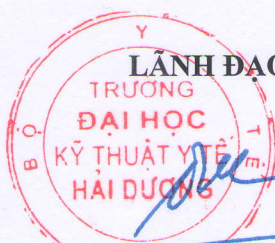
Ngày gửi mẫu/Date of receiving : 18/12/2018

Thời gian kiểm nghiệm/ Testting time: Từ 18/12/2018 đến ngày 03/01/2019

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM (Test Result)

TT	Chỉ tiêu(Specification)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp (Test method)	Kết quả (Result)
1	<i>E.coli</i> dương tính β -glucuronidaza*	CFU/g	TCVN 7924-2:2008	KPH
2	Định lượng <i>Staphylococcus aureus</i> *	CFU/g	TCVN 4830-1:2005	KPH
3	Định lượng <i>Clostridium botulinum</i>	CFU/g	TCVN 9049:2012	KPH
4	Định lượng <i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	TCVN 4991:2005	KPH
5	Định lượng nấm men – nấm mốc *	CFU/g	TCVN 8275-1:2010	KPH
6	Acid tổng số(*)	%	TCVN 4589:1988	0,4
7	Hàm lượng đường tổng số	%	TCVN 4594 : 1988	12,7
8	Hàm lượng muối	%	AOAC 937.09	0,6
9	Khối lượng cái	%	HPP 20	52,6
10	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	AOAC/AAS	KPH
11	Hàm lượng Thiếc (Sn)	mg/kg	AOAC/AAS	KPH

KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)



LÃNH ĐẠO TRƯỞNG

Hải Dương, ngày 03 tháng 01 năm 2019

Labo XNATVSTP

ThS. Hoàng Thị Thu Huyền

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Trần Quang Cảnh

1. Các kết quả kiểm nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không được sự đồng ý của Labo Xét nghiệm ATVSTP.
3. Chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS.
4. Không nhận khiếu nại kết quả kiểm nghiệm trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn mẫu lưu theo qui định.